

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

Tháng 01 năm 2014

I. CÔNG NGHIỆP

Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 1 chỉ bằng 86,3% so tháng trước, do các doanh nghiệp sản xuất hàng phục vụ tết đã đủ, đồng thời do nghỉ tết số ngày làm việc cũng giảm. Nhìn chung, chỉ số sản xuất của các ngành đều giảm so tháng trước chỉ có một vài ngành tăng như: sản xuất da giày tăng 5,5%; giấy tăng 2,4%; cung cấp nước nước tăng 2,4%...

So với tháng 01 cùng kỳ năm trước, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 1,4%, bao gồm: công nghiệp khai khoáng giảm 14,2%; công nghiệp chế biến tăng 1,1%; sản xuất phân phối điện tăng 12,2%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 23%.

Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %

	So với tháng 12/2013	So với tháng 01/2013
Tổng số	86,3	101,4
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	91,4	85,8
2. Công nghiệp chế biến	86,0	101,1
3. SX và phân phối điện	100,5	112,2
4. Cung cấp nước và xử lý rác thải	102,4	123,0
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	99,8	98,3
2. Sản xuất đồ uống	91,8	109,0
3. Sản xuất quần áo	98,9	112,8
4. Sản xuất da và SP liên quan	105,5	101,6
5. SX hóa chất và SP hóa chất	73,7	110,0
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	89,1	103,4
7. Sản xuất vật liệu xây dựng	80,7	104,7
8. Sản xuất SP điện tử	76,8	78,9
9. Sản xuất thiết bị điện	84,9	105,0
10. SX ô tô	72,4	99,5

Có 18/26 ngành (ngành cấp 2) tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó một số ngành có tỷ trọng tăng như: sản xuất sản phẩm kim loại, giấy, trang phục, hóa chất, đồ uống, thuốc lá, cao su, giấy, đồ uống, thuốc lá, thiết bị điện, da giày... có mức tăng cao hơn mức tăng chung toàn ngành. Có 8 ngành giảm: sản xuất ô tô (-0,5%), chế biến thực phẩm (-1,7%), máy móc thiết bị (-7,6%), thuốc (-9,0%), giường tủ bàn ghế (-10,2%), khai khoáng (-14,2%), điện tử (-21,1%) và sản xuất kim loại (-50,5%).

Xét theo sản phẩm, trong tháng 01 một số sản phẩm sản xuất tăng khá cao so với cùng kỳ như: sản xuất tivi tăng 172,7%; sản xuất mô tô, xe máy tăng 58,6%; xà phòng, chất tẩy rửa tăng 16,8%; phân bón tăng 13,3%; quần áo tăng 12,8%; thịt tăng 12,7%; dây cáp, xi măng tăng 10,1%; dây điện tăng 9,5%; bia tăng 9,0%; thủy sản tăng 8,7%; thuốc lá tăng 8,4%;... Các sản phẩm phục vụ tiêu dùng thiết yếu (thực phẩm), một số sản phẩm xuất khẩu và sản phẩm vật liệu xây dựng vẫn duy trì mức tăng.

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: tháng 01 ước bằng 85,9% so tháng trước và bằng 99,5% so tháng cùng kỳ. So với tháng 01/2013: ngành chế biến lương thực thực phẩm tăng 3,8% ; hóa dược cao su tăng 0,6%; cơ khí chế tạo tăng 25,5%; điện tử giảm 21,1%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành tại thời điểm 01/01 tăng 10,4 % so thời điểm 01/12/2013. Có 7 ngành (ngành cấp 2) tồn kho tăng so tháng trước gồm: sản xuất sản phẩm từ kim loại (+27,4%); chế biến thực phẩm (+23,3%); hóa chất (+20,2%); điện tử (+19,8%); công nghiệp chế biến (+11,0%); quần áo (+6,9%) và dệt (+4,7%). Những ngành có chỉ số tồn kho giảm so với tháng trước gồm: sản xuất phương tiện vận tải (-82,4%), sản xuất đồ uống (-60,5%); in (-46,8%), thiết bị điện (-16,1%), ô tô (-14,8%), da giày (-9,3%), thuốc lá (-9,1%)...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

Trồng trọt: Vụ Đông Xuân 2013 – 2014, lúa đã xuống giống 3.903,8 ha (huyện Củ Chi 3.027 ha), bằng 94% so cùng kỳ. Rau gieo trồng đạt 4.180 ha, tăng 1,8%.

Chăn nuôi: Chi cục Thú y kết hợp các quận huyện tăng cường kiểm tra theo dõi chặt chẽ dịch bệnh, các điểm giết mổ, kinh doanh và vận chuyển gia súc, gia cầm nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ vào dịp tết.

2. Thủy sản (tại huyện Cần Giờ)

Sản lượng thủy sản tháng 1 ước đạt 3.441 tấn, tăng 17% so với tháng 1/2013 và giảm 37,5% so với tháng trước. Trong đó, sản lượng tôm 838 tấn, cá các loại 1.294 tấn và hải sản khác 1.309 tấn.

Sản lượng đánh bắt ước đạt 2.091,3 tấn, tăng 5,4%; nuôi trồng 1.349,7 tấn, tăng 40,9% so với cùng kỳ.

Dịch bệnh trên tôm: do thời tiết lạnh, biên độ nhiệt dao động lớn nên dễ phát sinh dịch bệnh. Trong tháng, bệnh đốm trắng xảy ra trên 27,6 ha, làm thiệt hại 14,8 triệu con giống.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 10/1, đã có 482 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 13,1 triệu con trên diện tích 3.094,2 ha. Tôm thẻ chân trắng 183 lượt hộ thả nuôi với 94,1 triệu con trên diện tích 161,5 ha.

III. ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng: Vốn xây dựng thuộc ngân sách thành phố tháng 01 ước thực hiện 526,4 tỷ đồng, bằng 97,4% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 268,4 tỷ đồng, chiếm 51%; cấp quận huyện ước thực hiện 258 tỷ đồng, chiếm 49%.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách địa phương

	Thực hiện tháng 1 (tỷ đồng)	So với tháng 1/2013 (%)
Tổng vốn đầu tư	526,4	97,4
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	62,9	2,6 lần
Cấp thành phố	268,4	148,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	60,4	3,0 lần
Cấp quận huyện	258,0	72,1
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	2,5	71,4

Do ảnh hưởng của Tết vào những ngày cuối tháng, nên khối lượng thực hiện không cao, tập trung ở các dự án chuyển tiếp như cầu đường và các dự án thoát nước.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

- Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất – Bình Lợi: Còn vương phần giải tỏa ở Quận Tân Bình và tiếp tục thi công đoạn cuối ở Quận Thủ Đức.

- Dự án đường cao tốc TP. HCM – ngã ba Dầu Giây, hiện đã thông xe đoạn từ quận 9 giáp quận 2 đến Quốc lộ 51 đi Vũng Tàu.

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: đang thi công nền móng và hạ tầng đoạn từ quận 2 đến quận Thủ Đức.

2. Cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài

Trong 15 ngày đầu năm mới có 12 dự án vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với vốn đăng ký 17 triệu USD, vốn điều lệ 10,4 triệu USD (liên doanh 5 dự án, vốn đầu tư 13,9 triệu USD). Trong đó, ngành thương mại 3 dự án, vốn đầu tư 4,4 triệu USD; công nghiệp 3 dự án, vốn đầu tư 11,8 triệu USD; thông tin truyền thông 370 ngàn USD; ...Tăng vốn đầu tư 2 dự án, số vốn tăng 3,3 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng vốn đến ngày 15/1 đạt 20,3 triệu USD.**

3. Doanh nghiệp thành lập mới

15 ngày đầu năm (từ 1/1/2014 đến 15/1/2014) đã có 1.105 doanh nghiệp được cấp phép thành lập với tổng số vốn đăng ký 6.052 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 12,6% về số lượng doanh nghiệp và tăng 84,5% về vốn. Trong đó khu vực nông lâm thủy có 11 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 29 tỷ, khu vực công nghiệp xây dựng 261 doanh nghiệp với 1.437 tỷ đồng, khu vực dịch vụ 832 doanh nghiệp với 4.586 tỷ đồng.

IV. NỘI THƯƠNG – GIÁ CẢ

1. Nội thương:

Tháng 1 năm nay là tháng cao điểm mua sắm đón Tết Giáp Ngọ. Dù tình hình kinh tế vẫn còn khó khăn, nhưng so với năm trước sức mua vẫn đạt mức tăng khá, dự kiến sẽ tăng mạnh vào những ngày giáp Tết.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 1 ước đạt 59.490,3 tỷ đồng, tăng 6,7% so với tháng trước (12/2013). Trong đó: khu vực nhà nước chiếm 14,9%, tăng 4,4%; Khu vực ngoài nhà nước chiếm 80,4%, tăng 7,2% và khu vực có vốn nước ngoài 4,7%, tăng 5,3%.

So với cùng kỳ (1/2013), tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 18,2%, loại trừ yếu tố giá tăng 12,4%; Khu vực kinh tế trong nước tăng 18,1% và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài tăng 19,3%.

- Hoạt động thương mại ước tính đạt 48.816 tỷ đồng, chiếm 82,1% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 20,7%.

- Khách sạn nhà hàng 6.105 tỷ đồng, chiếm 10,3%, tăng 12,3%.

- Dịch vụ lữ hành 1.180 tỷ đồng, chiếm 2%, giảm 18,4%.

Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện tháng 1 (tỷ đồng)			% so sánh với tháng 1/2013		
	Trên địa bàn	K.té trong nước	K.té có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. té trong nước	K.té có vốn ĐTNN
Tổng mức	59.490	56.713	2.777	118,2	118,1	119,3
Tr.đó: Thương nghiệp	48.816	47.491	1.325	120,7	119,8	168,6
Khách sạn	540	302	238	100,0	105,9	93,4
Nhà hàng	5.565	5.240	325	113,7	116,8	79,5
Dịch vụ lữ hành	1.180	1.048	132	81,6	83,7	68,2

Tình hình chuẩn bị phục vụ Tết:

Trong tháng cao điểm phục vụ Tết Giáp Ngọ 2014 (1/1-31/1/2014) tổng trị giá hàng hóa của các doanh nghiệp chuẩn bị ước đạt 3.791 tỷ đồng, trong đó hàng bình ổn thị trường là 2.450,5 tỷ đồng. Hệ thống phân phối hàng hóa được trải rộng trên khắp các địa bàn quận huyện, gồm các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, các cửa hàng tiện lợi và trên 7.500 điểm bán hàng bình ổn.

Với nguồn vốn của doanh nghiệp và vốn vay từ các tổ chức tín dụng tham gia chương trình bình ổn với lãi suất ưu đãi (đây là năm đầu tiên TP.HCM không thực hiện việc ứng vốn ngân sách cho các doanh nghiệp vay với lãi suất 0%) các doanh nghiệp trong chương trình bình ổn thị trường đã cơ bản hoàn thành kế hoạch phục vụ Tết với khả năng cung ứng tăng 70% so với dịp Tết năm trước.

* Về kinh doanh du lịch:

Doanh thu khách sạn và dịch vụ lữ hành trong tháng 1 ước tính đạt 1.720 tỷ đồng, giảm 2,7% so tháng trước và giảm 13,4% so cùng kỳ. Nguyên nhân do lượng khách lưu trú nước ngoài giảm vì thời tiết không thuận lợi (bão tuyết tại Mỹ), khách trong nước tập trung vào việc chuẩn bị đón Tết âm lịch hơn là tham quan du lịch.

2. Chỉ số giá

Tuy là tháng giáp Tết nguyên đán nhưng tình hình giá cả nhìn chung ổn định do tác động của chương trình bình ổn giá của thành phố, đặc biệt đối với các mặt hàng lương thực thực phẩm nguồn cung của các doanh nghiệp dồi dào. Chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 1 tăng 0,4% so tháng 12/2013. Mức tăng giá tháng 1 năm nay thấp hơn mức tăng giá tháng 1 năm trước: tháng 1/2013 giá tăng 0,44%.

Trong 11 nhóm hàng nhóm được phẩm và dịch vụ y tế có mức giảm nhẹ (-0,12%); 2 nhóm hàng không có biến động giá là bưu chính viễn thông và giáo dục. Có 8 nhóm hàng có mức giá tăng so tháng trước, trong đó tăng cao nhất ở 2 nhóm: nhóm nhà ở, điện nước chất đốt, vật liệu xây dựng tăng 1,2% và nhóm giao thông tăng 1,24%, do tác động tăng giá của 2 mặt hàng gas (+4,14%) và xăng dầu (2,34%). Lương thực và thực phẩm trong thời gian gần tết đều có mức tăng không đáng kể: 0,33% và 0,19%.

Một số mặt hàng biến động trong tháng: thịt gia súc tươi sống (+1,58%); thịt gia cầm tươi sống (-0,73%); thịt chế biến (+0,49%); trứng các loại (+0,3%); dầu mỡ chất béo (+1,67%); thủy hải sản tươi sống(+1,3%); thủy hải sản chế biến (+1,23%); rau các loại (-3,17%); trái cây (+0,5%); sữa bơ các loại (-0,05%); bánh mứt kẹo (+0,02%), áo quần may sẵn (+0,74%), ga (+4,14%), xăng (+2,34%)...

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 1 so với tháng cùng kỳ năm trước		Tháng 1 so với tháng 12 năm trước	
	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ số giá tiêu dùng	103,60	105,16	100,44	100,40
Trong đó: Lương thực	99,32	97,38	100,17	100,33
Thực phẩm	101,93	104,23	101,43	100,19
2. Chỉ số giá vàng	106,66	76,05	98,28	98,63
3. Chỉ số giá USD	98,20	101,38	100,17	99,96

So với tháng 1/2013 chỉ số giá tiêu dùng tăng 5,16%, cao hơn mức tăng tháng 1/2013 so tháng 1/2012 (+3,6%).

Giá vàng giảm 1,37% và tỷ giá USD giảm 0,04% so với tháng 12/2013. So với tháng 1/2013 giá vàng giảm 23,95% và tỷ giá USD tăng 1,38%.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu:

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 1 ước đạt 2.393,2 triệu USD, giảm 2,1% so với tháng trước và giảm 10,3% so cùng kỳ.

Nếu không tính giá trị dầu thô: tổng trị giá hàng hoá xuất khẩu đạt 1.913,2 triệu USD, tăng 3,2% so tháng trước (12/2013) và giảm 1,2% so với tháng 1/2013.

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế (không tính dầu thô)

	Tháng 1/2014		% so sánh tháng 1/2014 với	
	Trị giá (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Tháng 12/2013	Tháng 1/2013
Tổng số	1.913,2	100,0	103,2	98,8
Kinh tế Nhà nước	207,4	10,8	158,9	177,4
Ngoài nhà nước	800,7	41,9	101,9	95,7
Kinh tế có vốn nước ngoài	905,1	47,3	96,6	92,0

Về mặt hàng xuất khẩu:

+ Xuất khẩu gạo: 164,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không kể giá trị dầu thô, tăng gấp 3,3 lần (lượng tăng gấp 3 lần, giá tăng 7%). Thị trường xuất chủ yếu là Philippin chiếm 58,8%, kế đến là thị trường Gabon chiếm 13,4%, Mỹ chiếm 13,2%, Trung Quốc 6,1% và một số nước khác.

+ Cà phê: 67,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,5%, giảm 25,6% so cùng kỳ (lượng giảm 21,4%, giá giảm 5,3%)

+ Thủy sản: 70,1 triệu USD, tăng 15,4% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 3,7%.

+ Hàng may mặc: 451,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 23,6%, giảm 5,3% so cùng kỳ. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 44,5%, giảm 8,9%; khu vực trong nước chiếm 55,5% giảm 2,2%.

+ Hàng giày dép: 198,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 10,4%, giảm 7,6% so cùng kỳ. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 76,1%, giảm 5,1%; khu vực trong nước chiếm 23,9% giảm 14,5%.

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: 244 triệu USD, giảm 11,6% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 12,8%. Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 99,4% giảm 10,8%; khu vực trong nước chiếm 0,6% giảm 65,6%.

+ Mặt hàng dầu thô: 480 triệu USD, chiếm tỷ trọng 20,1%, giảm 34,4% (lượng giảm 28,4%, giá bình quân giảm 8,4%).

2. Nhập khẩu:

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 1 ước đạt 2.275,7 triệu USD, giảm 4,9% so với tháng trước và tăng 11,1% so với tháng cùng kỳ (1/2013).

Khu vực kinh tế trong nước 1.469,1 triệu USD, chiếm 64,5%, tăng 14,6% so cùng kỳ. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 806,6, chiếm 35,5%, tăng 5,08%.

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Tháng 1/2014		% so sánh tháng 1/2014 với	
	Trị giá (triệu USD)	Cơ cấu (%)	Tháng 12/2013	Tháng 1/2013
Tổng số	2.275,7	100,0	95,1	111,1
Kinh tế Nhà nước	223,0	9,8	98,6	167,3
Kinh tế ngoài nhà nước	1.246,1	54,8	96,2	108,5
Kinh tế có vốn nước ngoài	806,6	35,4	92,5	105,1

Về mặt hàng nhập khẩu:

- + Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 48,5 triệu USD, giảm 24%.
- + Nhiên liệu: 74,3 triệu USD, tăng 2,6 lần (lượng tăng 2,7%, giá giảm 2,7%).
- + Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 241,6 triệu USD, tăng 7,4%.
- + Sắt thép đạt 114 triệu USD, tăng 32,6%.
- + Tân dược đạt 78,2 triệu USD, tăng 4,4%.
- + Dầu mỡ động thực vật đạt 34,4 triệu USD, tăng 44,9%.
- + Chất dẻo đạt 141,9 triệu USD, giảm 7,9%.

VI. GIAO THÔNG VẬN TẢI:

1. Vận tải hàng hóa và hành khách:

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 1 ước đạt 5.617 tỷ đồng, tăng 4% so với tháng trước và tăng 25,5% so cùng kỳ (1/2013).

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách

	Doanh thu tháng 1 (tỷ đồng)		% so sánh tháng 1/2014 với tháng 1/2013	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	3.935,5	1.681,5	122,4	133,3
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	495,3	118,3	103,6	107,6
Kinh tế ngoài nhà nước	3.415,7	1.367,6	125,8	142,4
Kinh tế có vốn nước ngoài	24,5	195,7	116,7	102,6
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	2.221,5	1.484,5	124,3	138,8
Đường sông	360,7	29,8	126,8	123,4
Đường biển	1.345,3		118,6	
Đường hàng không	8,1	167,1	102,5	100,0

- Lượng hàng hóa vận chuyển trong tháng 1 ước tính đạt 13.365 ngàn tấn; luân chuyển đạt 5.014,9 triệu tấn.km. Doanh thu ước đạt 3.935,5 tỷ đồng, tăng 3% so với

tháng trước và tăng 22,4% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm tỷ trọng 56,4% trong tổng doanh thu, tăng 24,3%. Vận tải biển chiếm 34,2%, tăng 18,6%.

- Lượng hành khách vận chuyển trong tháng 1 ước tính đạt 78,6 triệu lượt người, luân chuyển đạt 1.580,9 triệu người.km. Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 1.681,5 tỷ đồng, tăng 6,4% so với tháng trước và tăng 33,3% so với cùng kỳ. Đường bộ chiếm 88,3% tổng doanh thu, tăng 38,8%; đường hàng không chiếm 9,9%, bằng với năm trước.

* Tình hình phục vụ Tết:

Ngành vận tải thành phố đã có kế hoạch chuẩn bị đủ phương tiện vận chuyển phục vụ hành khách đường bộ trong dịp Tết Giáp Ngọ 2014, đảm bảo không để hành khách nhỡ chuyến.

Năm nay, các hãng hàng không đã tăng cường thêm nhiều chuyến bay, giá cả hợp lý vì vậy lượng khách qua các bến xe sẽ không tăng đột biến, ước tính tăng 5% so năm trước, trong ngày cao điểm lượng hành khách xuất bến có thể đạt trên 100 ngàn lượt/ngày. Để đáp ứng nhu cầu trong những ngày cao điểm (từ 24-28 tháng chạp) thành phố tăng cường 120 xe buýt, bến xe miền Đông 60 xe và bến xe miền Tây 60 xe.

2. Hàng hóa qua cảng:

Tổng lượng hàng hoá thông qua cảng sông và cảng biển tháng 1 ước thực hiện 6.850,4 ngàn tấn, giảm 6,7% so tháng trước và tăng 14,5% so với cùng kỳ. Trong đó hàng hoá xuất khẩu 2.644,2 ngàn tấn, chiếm 38,6%, tăng 7,3%; hàng nhập khẩu 3.082,5 ngàn tấn, chiếm 45%, tăng 26%; hàng nội địa 1.123,7 ngàn tấn, chiếm 16,4%, tăng 4,7%.

Hàng hoá thông qua cảng tháng 1/2014

	Khối lượng (ngàn tấn)	Cơ cấu (%)	% so sánh tháng 1/2012 với	
			Tháng 12/2013	Tháng 1/2013
Tổng số	6.850,4	100,0	93,3	114,5
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	6.664,9	92,3	98,4	113,5
Cảng sông	185,6	7,7	32,6	165,9
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	2.644,2	36,6	98,4	107,3
Hàng nhập khẩu	3.082,5	42,7	98,3	126,0
Hàng nội địa	1.123,7	20,7	73,8	104,7

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính:

Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 1 ước thực hiện 22.016 tỷ đồng, đạt 9,6% dự toán, tăng 4,3% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 15.070 tỷ đồng, đạt 12,1% dự toán, tăng 15,8% so cùng kỳ; thu từ dầu thô đạt 2.800 tỷ đồng, đạt 10,3% dự toán, tăng 0,9% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 4.000 tỷ đồng, đạt 5,3% dự toán, giảm 21,6%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện tháng 1 năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH tháng 1	Dự toán	Tháng 1/2013
Tổng thu	228.340	22.016	9,6	104,3
Tổng thu cân đối ngân sách NN	226.300	21.870	9,7	104,7
I- Thu nội địa	124.200	15.070	12,1	115,8
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	23.950	3.465	14,5	120,6
2. Khu vực ngoài nhà nước	29.500	4.236	14,4	121,3
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	33.745	4.208	12,5	111,7
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	74.800	4.000	5,3	78,4
III- Thu từ dầu thô	27.300	2.800	10,3	100,9

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 23% tổng thu nội địa, tăng 20,6% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 2.039 tỷ đồng, đạt 14,2% dự toán, tăng 20,2%; Nhà nước địa phương 1.426 tỷ đồng, đạt 14,9% dự toán, tăng 21,2%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 4.236 tỷ đồng, chiếm 28,1%, tăng 21,3% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 4.208 tỷ đồng, chiếm 27,9%, tăng 11,7%. Thu khác đạt 3.161 tỷ đồng, tăng 9,5%; trong đó thuế thu nhập cá nhân 2.000 tỷ đồng, tăng 18,3%, Thu tiền sử dụng đất 350 tỷ đồng, tăng 3,6%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương tháng 1 ước đạt 4.520 tỷ đồng, đạt 10,8% dự toán, tăng 1,5% so cùng kỳ năm 2013.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) tháng 1 ước thực hiện 1.910,7 tỷ đồng, đạt 4,6% dự toán, tăng 20,8% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện tháng 1 năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH tháng 1	Dự toán	Tháng 1/2013
Tổng chi (trừ tạm ứng)	41.979,3	1.910,7	4,6	120,8
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.145,9	-	-	-
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.373,0	-	-	-
II- Chi thường xuyên	29.500,0	1.910,7	6,5	120,8
Trong đó:				

Sự nghiệp kinh tế	4.080,3	141,1	3,5	129,1
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	8.296,2	506,1	6,1	110,3
Sự nghiệp y tế	3.269,7	117,7	3,6	108,9
Quản lý hành chính	4.608,4	481,1	10,4	120,0

Chi thường xuyên đạt 1.910,7 tỷ đồng, tăng 20,8% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 141,1 tỷ đồng, tăng 29,1%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 506,1 tỷ đồng, tăng 10,3%; chi sự nghiệp y tế 117,7 tỷ đồng, tăng 8,9%; chi quản lý hành chính 481,1 tỷ đồng, tăng 20%; chi đảm bảo xã hội tăng 24,1%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 20%.

2- Tín dụng ngân hàng

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 01 đạt 1.170,8 ngàn tỷ đồng, tăng 3,8% so tháng trước (chỉ số này tháng trước là +2,3%) và tăng 14,4% so với cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 55,8% tổng vốn huy động, tăng 14,3% so cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 16,0%, tăng 2,6% so cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 84,0% tổng vốn huy động, tăng 17,0% so cùng kỳ. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm chiếm 48,6%, tăng 22,1% so với cùng kỳ.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 01 đạt 952,9 ngàn tỷ đồng, tăng 2,3% so tháng trước, bằng với mức tăng chỉ số của tháng 12 (tháng 12: +2,3%), dư nợ tăng 9,0% so với cùng kỳ.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 527,4 ngàn tỷ đồng, chiếm 55,3% tổng dư nợ, tăng 11,0% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 151,1 ngàn tỷ đồng, chiếm 15,9% tổng dư nợ, giảm 21,6% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 801,7 ngàn tỷ đồng chiếm 84,1% tổng dư nợ, tăng 17,7% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 45,1%, tăng 10,5% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng ngắn hạn chiếm 54,9% tăng 7,8% so cùng kỳ.

3- Thị trường chứng khoán

Đến cuối năm 2013, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 303 gồm 301 cổ phiếu và 2 chứng chỉ quỹ, không thay đổi so với cuối tháng 11/2013. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 842.489,5 tỷ đồng, tăng 23,77% so với cuối năm 2012. Trong tháng 12/2013, có 22 phiên giao dịch, 11 phiên tăng điểm và 11 phiên giảm điểm. VN-Index trong tháng có xu hướng giảm nhẹ nhưng vẫn giữ vững được mốc 500 điểm với mức thấp nhất trong tháng là 500,35 điểm. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 504,63 điểm, giảm 3,15 điểm (tương ứng giảm 0,62%) so với cuối tháng trước. So với cuối năm trước, VN-Index tăng 21,97% (tương ứng tăng 90,90 điểm).

- Khối lượng giao dịch của tháng 12/2013 đạt 1.969,0 triệu chứng khoán, tăng 0,6% so với tháng 11/2013. Giá trị giao dịch của tháng đạt 29.971,2 tỷ đồng, tăng 19,0% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 89,5 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 1.362,3 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 4,0% nhưng giá trị giao dịch tăng 13,6% so với tháng trước.

Trong năm 2013, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 02/01 với 418,35 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 07/06 với 527,97 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 12	12 tháng năm 2013	Tháng 12 so tháng 11	Cả năm 2013 so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	1.969,0	16.209,9	100,6	115,2
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	1.960,2	16.077,6	100,7	115,1
Trái phiếu	8,7	44,7	1.740,0	174,6
Chứng chỉ quỹ	0,1	87,6	0,9	115,4
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	1.841,5	14.833,1	98,4	127,6
Giao dịch thỏa thuận	127,5	1.376,8	147,2	56,3
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	29.971,2	265.761,3	119,0	121,1
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	29.247,6	260.940,3	116,7	120,5
Trái phiếu	723,2	3.911,8	1.455,1	167,7
Chứng chỉ quỹ	0,4	909,2	0,5	184,7
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	24.271,2	219.596,4	108,8	135,2
Giao dịch thỏa thuận	5.700,0	46.164,9	197,9	81,1

Trong năm 2013, VN-Index có xu hướng tăng là chính. VN-Index tăng, giảm nóng ở những tháng đầu năm và ổn định ở những tháng cuối năm. Trong 3 tháng cuối năm, VN-Index tăng giảm không đáng kể và có xu hướng đi ngang. Đến cuối năm, VN-Index đạt 504,63 và vẫn giữ vững được mốc 500 điểm. Năm 2013, khối lượng giao dịch tăng 15,2% và giá trị giao dịch tăng 21,1% so với năm 2012.

Đến ngày 15/01/2014, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 303 gồm 301 cổ phiếu và 2 chứng chỉ quỹ, không thay đổi so với cuối năm 2013. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 878.496,7 tỷ đồng, tăng 4,27% so với cuối năm 2013. VN-Index tại ngày 15/01 đạt 526,68 điểm, tăng 4,37% so với cuối năm trước (tương ứng tăng 22,05 điểm).

VIII. HOẠT ĐỘNG Y TẾ - VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Hoạt động văn hoá thông tin phục vụ Tết nguyên đán

Để không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, Thành phố sẽ tiếp tục tổ chức nhiều hoạt động văn hóa trong dịp chào mừng năm mới 2014 và hoạt động kỷ niệm 84 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chào mừng năm mới Giáp Ngọ 2014, Thành phố sẽ tổ chức Lễ hội đón giáo thừa với chương trình bắn pháo hoa nghệ thuật 15 phút vào lúc 0g ngày 31-1-2014

(tức mùng 1 tết Nguyên đán 2014) tại bảy điểm: một điểm tầm cao tại đầu đường hầm sông Sài Gòn (Q.2), sáu điểm tầm thấp tại công viên văn hóa Đầm Sen (Q.11), công viên Lịch sử - văn hóa dân tộc (Q.9), đền tưởng niệm liệt sĩ Bến Dược (huyện Củ Chi), sân bóng đá huyện Cần Giò, khu tưởng niệm liệt sĩ Ngã Ba Giồng (huyện Hóc Môn), khu di tích lịch sử Láng Le - Bàu Cò (huyện Bình Chánh). Cũng trong dịp này, Thành phố sẽ đồng loạt tổ chức nhiều chương trình, lễ hội chào mừng năm mới: Chương trình trang trí ánh sáng đường phố từ 23 tháng chạp âm lịch đến mùng 8 tết; Lễ hội đường hoa Nguyễn Huệ 2014 từ 28 tháng chạp đến mùng 4 tết, lễ hội đường sách tại khu vực đường Nguyễn Huệ, Mạc Thị Bưởi, Ngô Đức Kế từ 28 tháng chạp đến mùng 4 tết; các chương trình biểu diễn nghệ thuật ở sân khấu Sen Hồng (công viên 23-9), công viên Gia Định, sân khấu đường Trường Sa (trước nhà thi đấu Rạch Miễu, Q.Phú Nhuận)...

2. Y tế (Tháng 12 và 12 tháng năm 2013)

- Tình hình dịch bệnh:

+ **Bệnh sốt xuất huyết:** Trong tháng 12 đã phát hiện 1.765 ca, tăng 26,5% so với tháng cùng kỳ 2012 và tăng 16,5% so với tháng trước. Tính cả năm 2013 đã phát hiện 9.594 ca, giảm 21,4% so với năm 2012; trong đó có 5 ca tử vong, giảm 02 ca so với cùng kỳ năm trước. Thành phố vẫn tiếp tục công tác kiểm tra, giám sát phòng chống dịch tại các phường, xã có số ca mắc cao và hỗ trợ phun thuốc phòng chống dịch tại các quận, huyện trong thành phố.

+ **Bệnh tay chân miệng:** Tháng 12/2013 phát hiện 1.101 ca, tăng 32,2% so với tháng 12/2012, tăng 17,7% so với tháng trước. Tổng số ca bệnh được phát hiện trong năm 2013 là 8.353 ca, giảm 37,6% so với năm 2012, có 01 ca tử vong (cả năm 2012 có 06 ca tử vong). Bệnh xuất hiện ở tất cả các quận/huyện trên địa bàn thành phố nhiều nhất ở: Bình Chánh (865 ca), Quận 8 (799 ca), Bình Tân (743 ca)...

3. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/11/2013 đến 15/12/2013)

- **Tội phạm kinh tế:** Đã phát hiện, xử lý 81 vụ vi phạm kinh tế, trong đó có 21 vụ buôn bán, vận chuyển hàng hóa không có hóa đơn chứng từ; 09 vụ kinh doanh hàng hóa trái phép, trốn thuế; 29 vụ buôn bán hàng cấm; 16 vụ kinh doanh hàng ngoại nhập lậu, 04 vụ sản xuất, buôn bán hàng giả - vi phạm sở hữu công nghiệp; 02 vụ tham nhũng. Thu giữ hàng hóa trị giá trên 2,9 tỷ đồng.

Phát hiện 70 trường hợp vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh. Đã xử lý hành chính 12 vụ, nộp Kho bạc Nhà nước trên 92 triệu đồng.

- **Tội phạm hình sự:** Đã xảy ra 509 vụ phạm pháp hình sự, giảm 16,1% so với cùng kỳ năm trước, làm chết 09 người, bị thương 62 người và thiệt hại tài sản trị giá khoảng 13 tỷ đồng. Các vụ phạm pháp hình sự chủ yếu là: giết người 07 vụ, cướp tài sản 19 vụ, cướp giật 99 vụ, cố ý gây thương tích 43 vụ, trộm cắp tài sản 288 vụ, cưỡng đoạt tài sản 04 vụ, giao cấu với trẻ em 05 vụ, lừa đảo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 32 vụ Đã điều tra khám phá 322 vụ hình sự, bắt 409 người vi phạm.

- Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

+ **Ma túy:** Số vụ vi phạm về ma túy trên địa bàn thành phố trong tháng là 140 vụ, trong đó: 112 vụ mua bán - tàng trữ, bắt 209 người vi phạm và 28 vụ sử dụng

trái phép chất ma túy, bắt 66 người vi phạm. Lập hồ sơ tập trung 117 người nghiện vào trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại phường/xã.

+ **Mại dâm và các tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 06 vụ tổ chức, mua bán dâm, lập hồ sơ xử lý 28 người vi phạm. Kiểm tra lập biên bản 101 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Đã lập hồ sơ xử lý 54 vụ tổ chức cờ bạc với 236 người tham gia, thu giữ trên 222 triệu đồng và nhiều hiện vật.

- **Tai nạn giao thông đường bộ:** Xảy ra 64 vụ tai nạn, giảm 26,4% so với cùng kỳ năm trước, làm chết 47 người, bị thương 28 người. Đã lập biên bản hành chính 38,1 ngàn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tạm giữ 2.856 xe các loại, tước giấy phép lái xe 3.361 trường hợp... chuyển Kho bạc Nhà nước trên 12 tỷ đồng thu phạt vi phạm.

- **Tai nạn giao thông đường sắt:** xảy ra 01 vụ, làm chết 01 người.

- **Tình hình cháy, nổ:** Trong tháng đã xảy ra 34 vụ cháy, giảm 15 vụ so với cùng kỳ năm trước, làm bị thương 05 người, thiệt hại tài sản ước trị giá khoảng trên 149 triệu đồng (có 07 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố và vi phạm các quy định trong sử dụng điện. Trong tháng trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ nổ nào.

4. Giải quyết việc làm:

Ước trong tháng 01/2014, các khu vực kinh tế trên địa bàn thành phố thu hút và giải quyết việc làm cho 21,4 ngàn lao động, tăng 4,2% so với tháng 12/2013; trong đó lao động có việc làm ổn định là 14,7 ngàn người (chiếm 68,4% so với tổng số lao động được giải quyết việc làm). Số chỗ việc làm mới tạo ra là 7,9 ngàn.

5. Thực hiện bảo hiểm thất nghiệp:

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 14/01/2014 đã có 4,5 ngàn người lao động tới đăng ký thất nghiệp tại Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố, số người nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp là 4 ngàn người. Đã có 4,7 ngàn người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (bao gồm những trường hợp của năm 2013 chuyển sang). Số người đề nghị chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp đến các tỉnh, thành phố khác là 1.048 người, số người từ nơi khác chuyển đến thành phố hưởng trợ cấp thất nghiệp là 266 người. Số tiền chi trả trợ cấp thất nghiệp 81,8 tỷ đồng.

Trên đây là một số chỉ tiêu cơ bản về tình hình kinh tế xã hội của thành phố trong tháng 1 năm 2014.

CỤC THÔNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THÔNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733